

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **428/BC-CP**

*Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2016*

## **BÁO CÁO**

### **Về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2015**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Khoản 9 Điều 40, Khoản 2 Điều 56, Điều 61 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị quyết số 42/2009/QH12 ngày 27/11/2009 của Quốc hội về nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Chính phủ xin báo cáo Quốc hội về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2015 như sau:

### **Phần thứ nhất**

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2015 CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

#### **A. TỔNG QUAN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ (DNNN)**

##### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015**

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của năm 2015 là cơ sở cho việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, năm đầu tiên của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020.

Kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm, vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới. Ở trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng từ những bất ổn của thế giới nhất là khi giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước nhưng

đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng.

Trong bối cảnh như vậy, ngay từ đầu năm, Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều Nghị quyết, chính sách cùng các giải pháp và nhiệm vụ cụ thể, trong đó trọng tâm và trực tiếp là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016. Bên cạnh đó, bằng các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, địa phương có các giải pháp kịp thời để giải quyết các vấn đề về kinh tế - xã hội, từng bước tháo gỡ khó khăn, mở rộng thị trường thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nói chung nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020 và chỉ đạo tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu, sắp xếp, chuyển đổi, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN nói riêng.

Trong các nghị quyết điều hành kinh tế - xã hội năm 2015 của Chính phủ, đổi mới doanh nghiệp Chính phủ tập trung vào các giải pháp trực tiếp thúc đẩy đến hoạt động và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, đó là: xây dựng và hoàn thiện thể chế (đã triển khai chuẩn bị các Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp) nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ để hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh bình đẳng; bổ sung, điều chỉnh chính sách thuế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế, đất đai, xây dựng, thủ tục đầu tư để giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp; thực hiện chính sách để ổn định mặt bằng lãi suất, hỗ trợ tín dụng và lãi suất cho doanh nghiệp hoạt động thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên như phát triển nông nghiệp; thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước theo hướng đẩy mạnh cổ phần hóa để huy động vốn ngoài xã hội và thực hiện thoái vốn ngoài ngành để tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

## **II. ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DNNN**

Theo số liệu báo cáo của các cơ quan đại diện chủ sở hữu (các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2015, có 652<sup>1</sup> doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây

---

<sup>1</sup> Số liệu có thay đổi so với số liệu đã báo cáo năm 2014 tại Báo cáo số 620/BC-CP ngày 16/11/2015 của Chính phủ do năm 2015 thiếu số liệu báo cáo của các doanh nghiệp độc lập do Bộ Công thương; Bộ Công an; Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế làm chủ sở hữu (năm 2015 không gửi báo cáo) và một số DNNN chính thức chuyển thành công ty cổ phần trong năm 2015.

viết tắt là doanh nghiệp). Trong đó: (i) Có 07 tập đoàn kinh tế (TĐ); (ii) Có 76 tổng công ty nhà nước (TCT, không bao gồm số liệu của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam do đang thực hiện tái cơ cấu theo Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ); (iii) Có 20 Công ty TNHH MTV hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con (Công ty mẹ - con); (iv) Có 212 Công ty TNHH MTV độc lập hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ, sản phẩm công ích; (v) Có 337 Công ty TNHH MTV độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại.

Qua phân tích, đánh giá số liệu từ báo cáo của các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất), tổng hợp tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2015 của 652 DNNN như sau:

1. Tổng tài sản của các doanh nghiệp là 3.043.687 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm 2014 (xét trong cùng số lượng 652 DNNN hiện có năm 2015). Tỷ trọng tài sản cố định bình quân chiếm 35% tổng tài sản. Trong đó khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con có tổng tài sản là 2.821.006 tỷ đồng, chiếm 93% tổng tài sản; các Công ty TNHH MTV độc lập còn lại chiếm 7% tổng tài sản.

2. Vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp là 1.376.236 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2014 (xét trong cùng số lượng 652 DNNN hiện có năm 2015). Trong đó, khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 1.254.899 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2014, chiếm 91% tổng vốn chủ sở hữu (TĐ là 901.613 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2014; khối các TCT là 322.907 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2014; khối công ty mẹ - con là 30.379 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2014).

3. Tổng Doanh thu của các doanh nghiệp đạt 1.588.326 tỷ đồng, tương đương với mức thực hiện năm 2014 (xét trong cùng số lượng 652 DNNN hiện có năm 2014). Trong đó:

a) Khối 07 TĐ đạt 960.795 tỷ đồng, giảm 3% so với thực hiện năm 2014, chiếm 60% tổng doanh thu của các doanh nghiệp toàn quốc;

b) Khối 76 TCT đạt 448.088 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2014, chiếm 28% tổng doanh thu của các doanh nghiệp toàn quốc;

c) Khối 20 Công ty mẹ - con đạt 47.592 tỷ đồng, tăng 13% so với thực hiện 2014, chiếm 4% tổng doanh thu của các doanh nghiệp toàn quốc;

d) Khối các doanh nghiệp độc lập đạt 131.851 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm 2014, chiếm 8% tổng doanh thu của các doanh nghiệp toàn quốc.

4. Lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp đạt 161.431 tỷ đồng, giảm 11% so với thực hiện 2014 (xét trong cùng số lượng 652 DNNN hiện có năm 2015). Trong đó:

a) Khối 07 TĐ đạt 101.435 tỷ đồng, giảm 20% so với thực hiện năm 2014, chiếm 63% tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp toàn quốc;

b) Khối 76 TCT đạt 45.360 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện năm 2014, chiếm 28% tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp toàn quốc;

c) Khối 20 Công ty mẹ - con đạt 3.560 tỷ đồng, giảm 17% so với thực hiện 2014, chiếm 2% tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp toàn quốc;

d) Khối các doanh nghiệp độc lập đạt 11.076 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2014, chiếm 7% tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp toàn quốc.

Chỉ tiêu tỷ suất Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu, tỷ suất Lợi nhuận/Tổng tài sản phản ánh khả năng sinh lời của DNNN, cụ thể:

- Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2015 của khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 12% (năm 2014 là 15%); Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân năm 2015 của khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 5,3% (năm 2014 là 6,3%).

- Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2015 của khối doanh nghiệp độc lập thuộc Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 9% (năm 2014 là 10%). Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân năm 2015 của doanh nghiệp độc lập thuộc Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 5% (năm 2014 là 5,4%).

5. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp là 246.038 tỷ đồng, giảm 5% so với thực hiện 2014 (xét trong cùng số lượng 652 DNNN hiện có năm 2015). Trong đó:

a) Khối các TĐ tổng số phát sinh phải nộp NSNN đạt 160.401 tỷ đồng, giảm 12% so với thực hiện năm 2014, chiếm 65% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp toàn quốc.

b) Khối các TCT đạt 52.076 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2014, chiếm 21% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp toàn quốc.

c) Khối các Công ty mẹ - con đạt 4.730 tỷ đồng, tăng 24% so với thực hiện năm 2014, chiếm 2% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp toàn quốc.

d) Khối các Công ty TNHH 1TV độc lập còn lại đạt 28.830 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2014, chiếm 12% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp toàn quốc.

Như vậy, theo kết quả tổng hợp tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của các DNNN nêu trên cho thấy hầu hết các DNNN, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước vẫn tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần giữ vững mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô thông qua hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và công

tác chi nhằm thực hiện các chính sách an sinh xã hội của địa phương. Đồng thời, các DNNN cũng đóng góp nguồn thu cho NSNN (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ phải nộp NSNN theo quy định) mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và tổng các khoản phát sinh phải nộp NSNN có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2014.

## **B. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DNNN**

### **I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC, CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON (gồm 103 doanh nghiệp, các số liệu so sánh xét trong cùng số lượng doanh nghiệp hiện có năm 2015)**

#### **1. Tình hình tài chính**

##### **a) Về tổng tài sản**

Số liệu báo cáo hợp nhất về tổng tài sản của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ - công ty con (sau đây viết tắt là TĐ, TCT) là 2.821.006 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm 2014. Trong cơ cấu về tài sản, tỷ trọng tài sản cố định chiếm bình quân là 35%.

Báo cáo của Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm Công ty mẹ - công ty con (sau đây gọi là Công ty mẹ) có tổng tài sản là 1.951.070 tỷ đồng (tính riêng Công ty mẹ khối TĐ, TCT tổng tài sản là 1.912.516 tỷ đồng), tăng 5% so với thực hiện năm 2014. Trong đó, tài sản cố định chiếm 15% tổng tài sản.

##### **- Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn theo số liệu báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT là 255.136 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2014. Trong đó, Công ty mẹ là 232.532 tỷ đồng, tương đương mức thực hiện so với năm 2014.

Tỷ trọng đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng tài sản là 9% (số liệu báo cáo hợp nhất) và 12% (đối với số liệu báo cáo Công ty mẹ).

+ Đầu tư tài chính dài hạn theo số liệu báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT là 165.414 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2014. Trong đó, Công ty mẹ là 522.133 tỷ đồng, tăng 13% so với thực hiện năm 2014.

Tỷ trọng đầu tư tài chính dài hạn/Tổng tài sản là 6% (số liệu báo cáo hợp nhất) và 27% (đối với số liệu báo cáo Công ty mẹ).

##### **- Các khoản phải thu**

Báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT có tổng các khoản phải thu là 338.327 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2014. Tỷ lệ Nợ phải thu/Tổng tài sản năm

2015 là 12%. Trong đó, nợ phải thu khó đòi là 16.715 tỷ đồng<sup>2</sup>, tăng 11% so với thực hiện năm 2014, chiếm 4,9% tổng số nợ phải thu.

Báo cáo của Công ty mẹ, tổng nợ phải thu là 477.544 tỷ đồng tăng 16% so với năm 2014. Trong đó nợ phải thu khó đòi là 10.733 tỷ đồng<sup>3</sup>, tăng 26% so với thực hiện năm 2014, chiếm 2,2% tổng số nợ phải thu.

Việc theo dõi, ghi nhận và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi để xử lý theo quy định nhằm bảo toàn vốn của doanh nghiệp. Theo đó, các TĐ, TCT đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo số liệu báo cáo hợp nhất là 15.716 tỷ đồng (Công ty mẹ: 8.969 tỷ đồng).

Một số Công ty mẹ có tỷ lệ Nợ phải thu/Tổng tài sản ở mức cao (trên 50%) như: Công ty mẹ - TCT Lắp máy VN (nợ phải thu 6.112,896 tỷ đồng, bằng 57%); Công ty mẹ - TCT Đông Bắc (nợ phải thu 5.782,997 tỷ đồng, bằng 75%); Công ty mẹ - TCT ĐTPĐ Đô thị và KCN VN (nợ phải thu 4.706,331 tỷ đồng, bằng 54%); Công ty mẹ - TCT 36 (nợ phải thu 2.727,882 tỷ đồng, bằng 51%); Công ty mẹ - TCT XD Lũng Lô (nợ phải thu 1.759,380 tỷ đồng, bằng 61%); Công ty mẹ - TCT Thái Sơn (nợ phải thu 1.637,280 tỷ đồng, bằng 52%); Công ty mẹ - TCT XD Trường Sơn (nợ phải thu 1.454,215 tỷ đồng, bằng 63%); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Ứng dụng và sản xuất - BQP (nợ phải thu 593,596 tỷ đồng, bằng 62%); Công ty mẹ - TCT Cơ khí XD (nợ phải thu 556,379 tỷ đồng, bằng 56%).

Một số Công ty mẹ có giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nợ phải thu khó đòi năm 2015 tăng cao so với năm 2014 như: Công ty mẹ - TCT Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là 122,747 tỷ đồng (năm 2014 là 7,639 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Thương mại Hà Nội là 81,486 tỷ đồng (năm 2014 là 28,652 tỷ đồng); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và thiết bị đô thị là 31,437 tỷ đồng, (năm 2014 là 25,418 tỷ đồng); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Phát triển KCN Tân Thuận là 29,837 tỷ đồng (năm 2014 là 7,097 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT 28 – BQP là 16,752 tỷ đồng (năm 2014 là 4,540 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Tài nguyên môi trường là 7,752 tỷ đồng (năm 2014 là 231 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Thành An – BQP là 6,205 tỷ đồng (năm 2014 là 1,773 tỷ đồng).

---

<sup>2</sup> Nợ phải thu khó đòi theo báo cáo hợp nhất: TĐ Dầu khí QGVN (6.787 tỷ đồng); TĐ Bưu chính viễn thông VN (1.455 tỷ đồng); TĐ Viễn thông quân đội (972 tỷ đồng); TCT Lương thực Miền Bắc (815 tỷ đồng); TCT Hàng hải VN (712 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV HANEL (598 tỷ đồng); TĐ CN Than – KS VN (532 tỷ đồng); TCT Viễn thông Mobifone (379 tỷ đồng); TCT Cà phê VN (345 tỷ đồng); TCT Cảng Hàng không VN (334 tỷ đồng); TCT Lương thực Miền Nam (324 tỷ đồng); TCT Máy động lực và máy nông nghiệp VN (377 tỷ đồng)...

<sup>3</sup> Nợ phải thu khó đòi theo báo cáo của Công ty mẹ: Công ty mẹ - TĐ Dầu khí QG VN (2.150 tỷ đồng); Công ty mẹ - TĐ CN Cao su VN (1.400 tỷ đồng); Công ty mẹ - TĐ Bưu chính viễn thông VN (1.275 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Lương thực Miền Nam (653 tỷ đồng); Công ty mẹ - TĐ Viễn thông quân đội (643 tỷ đồng); TCT Lương thực Miền Bắc (606 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV HANEL (598 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Hàng hải VN (455 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Viễn thông Mobifone (374 tỷ đồng); Công ty mẹ - TĐ Than khoáng sản VN (329 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Cà phê VN (283 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Máy động lực và máy nông nghiệp (273 tỷ đồng)...

Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp nêu trên đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ để xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định.

- Hàng tồn kho

+ Báo cáo hợp nhất của các TĐ,TCT có tổng số hàng tồn kho là 191.164 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2014, chiếm 7%/Tổng tài sản (Công ty mẹ là 70.077 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2014, chiếm 4%/Tổng tài sản). Trong đó, một số TĐ,TCT có giá trị hàng tồn kho lớn như: TCT Becamex Bình Dương (23.036 tỷ đồng); TĐ Dầu khí quốc gia VN (22.494 tỷ đồng); TĐ Viễn thông quân đội (17.477 tỷ đồng); TĐ Điện lực VN (17.335 tỷ đồng); TĐ Than KS VN (17.294 tỷ đồng); TĐ Hóa chất VN (11.956 tỷ đồng); TCT ĐT PT Nhà & Đô thị - HUD (8.278 tỷ đồng); TCT Thuốc lá (7.415 tỷ đồng); TCT Sông Đà (3.966 tỷ đồng); TCT Xi măng VN (3.881 tỷ đồng); TCT Lắp máy VN (3.089 tỷ đồng)...

+ Một số Công ty mẹ có giá trị tuyệt đối hàng tồn kho không lớn nhưng tỷ lệ Hàng tồn kho/Tổng tài sản ở mức cao (trên 30%) như: Công ty mẹ - TCT Phát triển phát thanh truyền hình thông tin (808,737 tỷ đồng, bằng 72%); Công ty mẹ - TCT XD Công trình hàng không ACC (1.197,707 tỷ đồng, bằng 37%); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (1.036,348 tỷ đồng, bằng 68%); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (848,981 tỷ đồng, bằng 37%).

Năm 2014, các TĐ,TCT đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp tổn thất trong trường hợp giá hàng hóa giảm, bảo toàn vốn với số tiền là 2.893 tỷ đồng (Công ty mẹ là 491 tỷ đồng).

b) Nguồn vốn

- Nợ phải trả

Theo báo cáo hợp nhất của các TĐ,TCT có tổng số nợ phải trả là 1.547.859 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm 2014. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu bình quân năm 2015 là 1,23 lần (có 25 TĐ,TCT có tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu lớn hơn 3 lần<sup>4</sup>; Công ty mẹ là 23 đơn vị<sup>5</sup>). Trong đó:

<sup>4</sup> Báo cáo hợp nhất: TCT Phát thanh truyền hình thông tin (32,84 lần); TCT Xăng dầu quân đội (17,13 lần); TCT 36 (15,41 lần); TCT Cơ khí XD (10,63 lần); TCT Thái Sơn (9,94 lần); TCT 319 (9,68 lần); TCT Thành An (9,13 lần); TCT Lắp máy VN (8,89 lần); TCT XD CT Hàng không ACC (8,49 lần); TCT Trường Sơn (7,82 lần); TCT Tài nguyên và Môi trường VN (7,54 lần); TCT Đông Bắc (6,57 lần); TCT XD Lũng Lô (6,48 lần); TCT 789 (6,32 lần); Công ty TNHH MTV Ứng dụng và SX – BQP (5,85 lần); TCT GAET – BQP (5,74 lần); TCT Ba Sơn – BQP (4,26 lần); TCT Hàng hải VN (3,88 lần); TCT XD số 1 (3,73 lần); TCT Giấy VN (3,72 lần); TCT Becamex (3,61 lần); TCT ĐT PTĐT và KCN (3,44 lần); TCT Thanh Lễ (3,16 lần); TCT Sông Thu – BQP (3,15 lần); TCT Sông Đà (3,03 lần).

<sup>5</sup> Báo cáo của Công ty mẹ: Công ty mẹ - TCT Phát thanh truyền hình thông tin (32,84 lần); Công ty mẹ - TCT Xăng dầu quân đội (19,77 lần); Công ty mẹ - TCT 36 (15,09 lần); Công ty mẹ - TCT Lắp máy VN (12,06 lần); Công ty mẹ - TCT XD Trường Sơn (9,37 lần); Công ty mẹ - TCT Ba Sơn (8,6 lần); Công ty mẹ - TCT XD số 1 (7,87 lần); Công ty mẹ - TCT Thái Sơn (7,63 lần); Công ty mẹ - TCT GAET – BQP (7,6 lần); Công ty mẹ - TCT Sông Thu (7,46 lần); Công ty mẹ - TCT Thành An (6,46 lần); Công ty mẹ - TCT XD CT hàng không ACC (6,45 lần); Công ty mẹ - TCT XD Lũng Lô (5,8 lần); Công ty mẹ - TCT 789 (5,76 lần); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Ứng dụng và SX – BQP (5,72 lần); Công ty mẹ - TCT Đông Bắc (5,25 lần); Công ty mẹ - TCT 319 (4,09

+ Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng (NHTM & TCTD) của các TĐ, TCT là 355.819 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện năm 2014. Một số TĐ, TCT có số nợ vay từ các NHTM & TCTD tương đối lớn như: TĐ Điện lực VN (134.014 tỷ đồng); TĐ CN Than – Khoáng sản VN (42.743 tỷ đồng); TĐ Hóa chất VN (29.997 tỷ đồng); TĐ Viễn thông quân đội (16.313 tỷ đồng); TCT Hàng hải VN (14.734 tỷ đồng); TCT Xi măng VN (13.075 tỷ đồng); TCT Sông Đà (11.933 tỷ đồng); TĐ CN Cao su VN (10.989 tỷ đồng)...

+ Một số Công ty mẹ thực hiện huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, lũy kế giá trị trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành tính đến 31/12/2015 của các Công ty mẹ là 29.852 tỷ đồng, bao gồm: Công ty mẹ - TĐ CN Than – Khoáng sản VN phát hành 12.500 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Becamex Bình Dương phát hành 10.144 tỷ đồng; Công ty mẹ - TĐ Điện lực VN phát hành 2.000 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Sông Đà phát hành 1.231 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Lắp máy VN phát hành 1.000 tỷ đồng; ; Công ty mẹ - TCT Đông Bắc phát hành 1.000 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT XD số 1 phát hành 700 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT ĐT PT nhà và đô thị phát hành 700 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Cơ khí GTVT Sài Gòn phát hành 577 tỷ đồng.

+ Báo cáo hợp nhất, nợ nước ngoài của các TĐ, TCT là 348.189 tỷ đồng (vay ngắn hạn là 38.942 tỷ đồng; vay dài hạn là 309.246 tỷ đồng). Trong đó: (i) vay lại vốn ODA của Chính phủ là 121.098 tỷ đồng; (ii) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh là 97.179 tỷ đồng; (iii) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả là 62.035 tỷ đồng; (iv) Còn lại là các hình thức huy động khác.

Báo cáo của các Công ty mẹ, nợ nước ngoài là 300.230 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ - TĐ Điện lực VN là 208.962 tỷ đồng; Công ty mẹ - TĐ Dầu khí quốc gia VN là 23.645 tỷ đồng; Công ty mẹ - TĐ CN Than – KS VN (22.845 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT ĐTPPT đường cao tốc là 22.262 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Cảng hàng không VN là 13.119 tỷ đồng.

Báo cáo hợp nhất, hệ số nợ tổng quát (tổng nợ phải trả/tổng nguồn vốn) bình quân năm 2015 là 0,55 lần (Công ty mẹ là 0,44 lần).

Báo cáo hợp nhất, hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/tổng nợ phải trả) bình quân năm 2015 là 1,82 lần (Công ty mẹ là 2,26 lần).

Báo cáo của Công ty mẹ, Tổng số nợ phải trả là 862.798 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2014. Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2015 là 0,8 lần.

---

lần); Công ty mẹ - TCT Tài nguyên và Môi trường VN (4,06 lần); Công ty mẹ - TCT Cơ khí XD (3,61 lần); Công ty mẹ - TCT Becamex (3,45 lần); Công ty mẹ - TCT Giấy VN (3,44 lần); Công ty mẹ - TCT Sông Đà (3,17 lần); Công ty mẹ - TCT Thanh Lễ (3,02 lần).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, tổng Nợ phải trả của các Công ty mẹ - DNNN luôn nhỏ hơn tổng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Đối với một số Công ty mẹ - DNNN có mức huy động vốn vượt quá mức trần huy động (03 lần vốn chủ sở hữu) phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu (Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nhưng các Công ty mẹ vay vượt mức trần huy động vốn theo quy định là các doanh nghiệp kinh doanh có lãi, do vậy khả năng thanh toán nợ vay của doanh nghiệp vẫn được đảm bảo.

#### - Vốn chủ sở hữu

Báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT có Tổng vốn chủ sở hữu là 1.254.899 tỷ đồng<sup>6</sup>, tăng 8% so với thực hiện năm 2014. Vốn chủ sở hữu của TĐ, TCT hàng năm tăng chủ yếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế, chênh lệch đánh giá lại tài sản và thặng dư vốn thu được trong quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc của TĐ, TCT.

Xét tổng thể, các TĐ, TCT bảo toàn được vốn chủ sở hữu, hệ số bảo toàn vốn bình quân là 1,08 lần. Hệ số tự tài trợ bình quân (Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản) theo báo cáo hợp nhất là 0,44 lần.

Báo cáo của Công ty mẹ có Tổng vốn chủ sở hữu là 1.083.505 tỷ đồng (tính riêng Công ty mẹ - TĐ, TCT tổng vốn chủ sở hữu là 1.058.546 tỷ đồng), tăng 8% so với thực hiện năm 2014 nếu xét trong cùng số lượng TĐ, TCT hiện có năm 2015.

Về cơ bản, phần lớn các Công ty mẹ - DNNN đều bảo toàn được vốn chủ sở hữu (trừ một số doanh nghiệp có kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ). Ngoài ra, một số Công ty mẹ - TĐ, TCT có tổng số vốn chủ sở hữu năm 2015 có thay đổi giảm so với năm 2014 do các TĐ, TCT này đang triển khai thực hiện tái cơ cấu DNNN theo Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Một số TĐ, TCT có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn thấp (dưới 10%) như: TCT XD Trường Sơn là 11% (Công ty mẹ 9%); TCT Lắp máy VN là 10% (Công ty mẹ 8%); TCT Cơ khí XD là 9% (Công ty mẹ 22%); TCT 319 là 9% (Công ty mẹ là 20%); TCT Thái Sơn là 9% (Công ty mẹ 12%); TCT 36 - BQP là 6% (Công ty mẹ 6%); TCT Xăng dầu quân đội là 5% (Công ty mẹ 5%); TCT Phát thanh truyền hình thông tin là 3% (Công ty mẹ 3%); TCT XNK Vạn Xuân là 2% (Công ty mẹ là 1%).

---

<sup>6</sup> Số liệu báo cáo về vốn CSH có sự thay đổi so với báo cáo năm 2014 do có nhiều TĐ, TCT đang trong quá trình cổ phần hóa (năm 2015 vẫn là DNNN) nhưng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu được đánh giá tăng lên; một số TĐ, TCT đã chính thức chuyển thành CTCP trong năm 2015 (trong đó có TĐ Dệt may VN, TCT Hàng không VN, TCT CN Dầu thực vật VN và một số TCT thực hiện cổ phần hóa, Nhà nước không nắm giữ cổ phần), tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

## **2. Tình hình sản xuất kinh doanh**

### **a) Tổng doanh thu**

Theo báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT, tổng doanh thu đạt 1.456.476 tỷ đồng, tương đương mức thực hiện năm 2014. Báo cáo của Công ty mẹ, tổng doanh thu đạt 826.027 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2014 nếu xét cùng số lượng TĐ, TCT hiện có năm 2015.

Xét theo báo cáo hợp nhất, tỷ lệ doanh thu/tổng tài sản bình quân là 0,52 lần và tỷ lệ doanh thu/vốn chủ sở hữu bình quân là 1,16 lần.

Những TĐ, TCT có mức doanh thu lớn tập trung chủ yếu ở khối TĐ, trong đó: TĐ Dầu khí Quốc gia VN (313.444 tỷ đồng); TĐ Điện lực VN (243.509 tỷ đồng); TĐ Viễn thông quân đội (216.851 tỷ đồng); TĐ CN Than - Khoáng sản VN (77.657 tỷ đồng); TĐ Bưu chính viễn thông VN (50.586 tỷ đồng); TĐ Hóa chất VN (41.819 tỷ đồng); TCT Viễn thông Mobifone (33.553 tỷ đồng); TCT CN Xi măng VN (24.790 tỷ đồng); TCT Lương thực Miền Nam (23.322 tỷ đồng).

Xét theo báo cáo hợp nhất, một số TĐ, TCT có tổng doanh thu giảm tương đối mạnh so với năm 2014 (từ 20% trở lên) như TCT Bến Thành giảm 67%; TCT Đầu tư XNK Cao Bằng giảm 53%; TCT Thương mại XNK Thanh Lễ giảm 42%; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô giảm 38%; TCT Văn hóa Sài Gòn giảm 33%; Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà giảm 33%; TCT Cơ khí XD giảm 29%; TCT Địa ốc Sài Gòn giảm 29%; TCT Tư vấn XD VN giảm 21%; TCT Thương mại Hà Nội giảm 21%; Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và DVQT giảm 20%.

Một số Công ty mẹ có mức tổng doanh thu tăng cao so với năm 2014 (trên 30%) như: Công ty mẹ - TCT Đông Bắc tăng 137%; Công ty mẹ - TCT Thiết bị y tế tăng 85%; Công ty mẹ - TĐ CN Cao su VN tăng 75%; Công ty mẹ - TCT 319 tăng 74%; Công ty mẹ - TCT Du lịch Hà Nội tăng 62%; Công ty mẹ - TCT Đầu tư phát triển nhà Hà Nội tăng 60%; Công ty mẹ - TCT Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tăng 53%; Công ty mẹ - TCT Becamex tăng 45%; Công ty mẹ - TCT Máy và thiết bị công nghiệp tăng 38%; Công ty mẹ - TCT Bưu điện VN tăng 34%.

### **b) Lợi nhuận, lỗ phát sinh và lỗ lũy kế**

- Lợi nhuận trước thuế

+ Báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT, Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 150.355 tỷ đồng, giảm 12% so với thực hiện năm 2014 nếu xét trong cùng số

lượng TĐ, TCT hiện có năm 2015. Các TĐ, TCT có lợi nhuận kế toán trước thuế đạt cao trên 2.000 tỷ đồng vẫn chủ yếu ở những TĐ, TCT có quy mô lớn<sup>7</sup>.

Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2015 là 12%, Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2015 là 5,3%.

Một số TĐ, TCT có tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu đạt cao như: TCT Xăng dầu quân đội đạt 76%; Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bến Tre đạt 56%; TCT Viễn thông Mobifone đạt 46%; TĐ Viễn thông quân đội đạt 41%; TCT Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai 32%; TCT Máy động lực và máy nông nghiệp đạt 29%; Công ty TNHH MTV Đông Hải – BQP đạt 29%; TCT Truyền hình cáp VN đạt 28%; TCT Cơ khí XD đạt 27%; TCT Thái Sơn đạt 27%; TCT Khánh Việt đạt 26%; TCT Quản lý bay đạt 25%; TCT Cơ khí GTVT Sài Gòn đạt 25%; TCT Đầu tư và kinh doanh vốn NN đạt 24%; TCT 319 đạt 24%; Công ty TNHH MTV Ứng dụng và Sản xuất đạt 24%; TCT Thương mại Sài Gòn đạt 23%; TCT XD Lũng Lô đạt 23%; TCT 789 đạt 23%; TCT CN in bao bì Liksin đạt 21%.

Sau quá trình tái cơ cấu, bước đầu một số TĐ, TCT đã hoạt động có hiệu quả và bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước như TCT Xăng dầu quân đội đạt 267 tỷ đồng; TCT Cà phê VN đạt 131 tỷ đồng; TCT Truyền thông đa phương tiện - VTC đạt 123 tỷ đồng; TCT XD Trường Sơn đạt 79 tỷ đồng; TCT Lương thực Miền Nam đạt 26 tỷ đồng; TCT Cơ khí XD đạt 47 tỷ đồng.

+ Báo cáo của Công ty mẹ, Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 111.817 tỷ đồng, giảm 1% so với thực hiện năm 2014. Hầu hết các Công ty mẹ quy mô lớn đều có lợi nhuận trước thuế cao<sup>8</sup>.

Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2015 là 10%, Tỷ suất Lợi nhuận/Tổng tài sản năm 2015 là 5,7%.

- Lỗ phát sinh:

+ Lỗ phát sinh theo báo cáo hợp nhất của 04 TĐ, TCT (bao gồm số lỗ phát sinh của công ty mẹ và công ty con của TĐ, TCT) là 280,234 tỷ đồng<sup>9</sup>;

---

<sup>7</sup>TĐ Dầu khí quốc gia VN (42.892 tỷ đồng); TĐ Viễn thông quân đội (45.046 tỷ đồng); TĐ Điện lực VN (4.595 tỷ đồng); TCT Đầu tư và kinh doanh vốn NN (8.584 tỷ đồng); TCT Viễn thông Mobifone (7.129 tỷ đồng); TĐ Bưu chính viễn thông (3.453 tỷ đồng); TCT Máy động lực và máy nông nghiệp (4.337 tỷ đồng); TCT Cảng Hàng không VN (2.277 tỷ đồng); TĐ Hóa chất VN (2.135 tỷ đồng); TĐ CN Cao su VN (2.474 tỷ đồng); TCT CN Xi măng VN (2.792 tỷ đồng); TCT Thương mại Sài Gòn (2.755 tỷ đồng).

<sup>8</sup> Công ty mẹ có Lợi nhuận trước thuế cao: Công ty mẹ - TĐ Viễn thông Quân đội (45.671 tỷ đồng); Công ty mẹ - TĐ Dầu khí Quốc gia VN (24.191 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT ĐT và KD vốn NN (8.383 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Viễn thông Mobifone (7.045 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Máy động lực và máy nông nghiệp VN (3.370 tỷ đồng); Công ty mẹ - TĐ Bưu chính viễn thông VN (2.693 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Cảng HK VN (2.071 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Thương mại Sài Gòn (2.454 tỷ đồng).

<sup>9</sup> Lỗ phát sinh theo báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT: TCT 15 - BQP (186,003 tỷ đồng); TCT Vật tư nông nghiệp (54,959 tỷ đồng); TCT Giấy VN có bao gồm số liệu của Nhà máy bột giấy Phương Nam (33,371 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế (5,902 tỷ đồng).

+ Lỗ phát sinh theo báo cáo của 04 Công ty mẹ là 260,802 tỷ đồng<sup>10</sup>.

- Lỗ lũy kế: Báo cáo hợp nhất có 14 TĐ, TCT còn lỗ lũy kế là 6.165 tỷ đồng<sup>11</sup> và 09 Công ty mẹ còn lỗ lũy kế là 1.912<sup>12</sup> tỷ đồng.

c) Nộp Ngân sách nhà nước (NSNN)

Năm 2015, tổng các khoản phát sinh phải nộp NSNN đạt 217.208 tỷ đồng, giảm 6% so với thực hiện năm 2014. Trong đó, số phát sinh phải nộp NSNN từ hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa là 156.932 tỷ đồng, chiếm 72% tổng số phát sinh phải nộp NSNN; số phát sinh phải nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu là 14.639 tỷ đồng và số lợi nhuận phải nộp NSNN theo Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ là 45.638 tỷ đồng.

Những TĐ, TCT có số thu vào ngân sách nhà nước lớn như: TĐ Dầu khí Quốc gia VN (87.333 tỷ đồng); TĐ Viễn thông quân đội (34.858 tỷ đồng); TĐ Điện lực VN (16.414 tỷ đồng); TĐ CN Than khoáng sản VN (13.838 tỷ đồng); TCT Viễn thông Mobifone (7.301 tỷ đồng); TCT Đầu tư và kinh doanh vốn NN - SCIC (6.368 tỷ đồng); TCT Khánh Việt (4.288 tỷ đồng); TCT XNK Thanh Lễ (3.972 tỷ đồng); TĐ Bưu chính viễn thông VN (3.262 tỷ đồng); TCT Công nghiệp Sài Gòn (2.868 tỷ đồng); TCT Máy động lực và máy nông nghiệp VN (2.714 tỷ đồng); TĐ Hóa chất VN (2.643 tỷ đồng); TCT Thương mại Sài Gòn (2.595 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV Đầu tư tài chính thành phố HCM - HFIC (2.434 tỷ đồng); TCT Quản lý bay VN (2.250 tỷ đồng).

Riêng Công ty mẹ, tổng các khoản phát sinh phải nộp NSNN đạt 120.587 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm 2014. Trong đó, số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phát sinh phải nộp NSNN của Công ty mẹ theo quy định tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 về dự toán NSNN năm 2015 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 10/11/2014 là 49.123 tỷ đồng. Số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định đã

---

<sup>10</sup> Lỗ phát sinh theo báo cáo của Công ty mẹ: Công ty mẹ - TCT 15 – BQP (36,107 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Vật tư nông nghiệp (57,821 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Giấy VN (163,015 tỷ đồng); Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế (3,858 tỷ đồng).

<sup>11</sup> Chi tiết lỗ lũy kế theo báo cáo hợp nhất của các TĐ, TCT: TCT Hàng hải VN (3.346,273 tỷ đồng); TCT Lương thực Miền Nam (1.062,833 tỷ đồng); TCT 15 – BQP (718,209 tỷ đồng); TCT Cà phê VN (399,316 tỷ đồng); TCT ĐTPT đường cao tốc VN (113,621 tỷ đồng); TCT Cơ khí XD (108,275 tỷ đồng); TCT Truyền thông đa phương tiện VTC (102,801 tỷ đồng); TCT XD Trường Sơn (72,199 tỷ đồng); TCT Xăng dầu quân đội (69,188 tỷ đồng); TCT Vật tư nông nghiệp (60,830 tỷ đồng); TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội (51,939 tỷ đồng); TCT Du lịch HN (33,584 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV 622 – BQP (16,458 tỷ đồng); TCT Thương mại Hà Nội (9,830 tỷ đồng).

<sup>12</sup> Chi tiết lỗ lũy kế của các Công ty mẹ: Công ty mẹ - TCT Lương thực Miền Nam (959,327 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Hàng hải VN (363,031 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT 15-BQP (189,415 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Truyền thông đa phương tiện VTC (121,872 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Đầu tư phát triển đường cao tốc VN (121,362 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Xăng dầu quân đội (69,188 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Vật tư nông nghiệp (57,844 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT Cơ khí XD (29,659 tỷ đồng); Công ty mẹ - TCT XD Trường Sơn (0,432 tỷ đồng).

nộp NSNN trong năm 2015 của các Công ty mẹ là 55.151 tỷ đồng (bao gồm phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của các năm trước thực hiện nộp NSNN trong năm 2015).

## **II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY TNHH MTV ĐỘC LẬP TRỰC THUỘC BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**

Báo cáo của 549 công ty TNHH MTV độc lập (bao gồm: 212 doanh nghiệp hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, phục vụ an ninh, quốc phòng và 337 doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại), tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động năm 2015 (số liệu so sánh với cùng số lượng DNNN hiện có năm 2015) như sau:

- Tổng tài sản: 222.681 tỷ đồng, tăng 8% so với thực hiện năm 2014;
- Nợ phải trả: 92.309 tỷ đồng, tăng 8% so với thực hiện năm 2014;
- Vốn chủ sở hữu: 121.338 tỷ đồng, tăng 13% so với thực hiện năm 2014;
- Doanh thu: 131.851 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm 2014;
- Lợi nhuận kế toán trước thuế: 11.076 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2014. Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu là 9% (năm 2014 là 10%), tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản là 5% (năm 2014 là 5,4%);
- + Lỗ phát sinh: 375 tỷ đồng;
- + Lỗ lũy kế: 1.595 tỷ đồng.
- Tổng số phát sinh phải nộp NSNN: 28.830 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2014, trong đó số thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa chiếm 85% tổng số thu nộp NSNN.

### **1. Về Công ty TNHH MTV độc lập hoạt động cung ứng dịch vụ sản phẩm công ích, trực tiếp phục vụ an ninh, quốc phòng**

a) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích:

Các Công ty TNHH MTV độc lập hoạt động cung ứng dịch vụ, sản phẩm công ích, trực tiếp phục vụ an ninh, quốc phòng (sau đây viết tắt là doanh nghiệp công ích), thường xuyên làm các nhiệm vụ của chủ sở hữu giao nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định đời sống của nhân dân. Các doanh nghiệp công ích hoạt động trong các lĩnh vực như: cấp, thoát nước; cung ứng dịch vụ vệ sinh, môi trường; xử lý nước thải, rác thải; chiếu sáng đô thị; trồng và chăm sóc cây xanh, vườn hoa công cộng; duy tu, bảo trì các công trình giao thông; cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng; cung ứng dịch vụ khai thác các công trình thủy lợi; cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích đặc thù thuộc các Bộ, ngành; trực tiếp phục vụ an ninh, quốc phòng.

Theo báo cáo từ các Bộ, địa phương, các doanh nghiệp công ích thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị thông qua chính sách an sinh – xã hội với việc sẵn sàng

tham gia làm nhiệm vụ theo yêu cầu của Bộ, địa phương. Hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích của các doanh nghiệp này được chủ động hơn do được áp dụng nhiều phương thức cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định của nhà nước như phương thức giao kế hoạch hoặc đặt hàng, đấu thầu nhằm khai thác hết năng lực, công suất thiết kế của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm dịch vụ, công ích có mức sinh lời thấp, nhưng quá trình thực hiện sắp xếp chuyển đổi có doanh nghiệp đã đạt được mục tiêu xã hội hóa cao (như doanh nghiệp thực hiện cung cấp nước sạch đô thị chuyển sang công ty cổ phần không có vốn nhà nước tham gia; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quản lý khai thác công trình đô thị) nhưng vẫn đảm bảo cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích cho xã hội.

Các doanh nghiệp công ích trên toàn quốc đang tạo việc làm cho khoảng 80.000 người lao động với mức thu nhập bình quân của người lao động là 7 triệu đồng/người/tháng (tăng nhẹ so với mức lương bình quân của người lao động năm 2014).

b) Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 của khối doanh nghiệp công ích (số liệu so sánh với cùng số lượng doanh nghiệp công ích hiện có năm 2015):

- Tổng tài sản là 106.109 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2014. Trong đó, tài sản cố định chiếm 59% tổng tài sản.

- Vốn chủ sở hữu là 74.855 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2014, chiếm 71% tổng nguồn vốn.

- Nợ phải trả là 23.815 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2014 trong đó: Nợ ngắn hạn (17.833 tỷ đồng) chiếm 75% trong tổng số nợ phải trả; Nợ dài hạn (5.982 tỷ đồng) chiếm 25% tổng số nợ phải trả.

Trong tổng số nợ phải trả, nợ vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng trong nước (1.758 tỷ đồng); nợ vay nước ngoài (140 tỷ đồng) chủ yếu ở các doanh nghiệp công ích hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước đô thị, khai thác kinh doanh nước sạch vay lại vốn ODA của Chính phủ hoặc vay nước ngoài theo hình thức tự vay tự trả để đầu tư các dự án.

c) Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2015 của doanh nghiệp công ích (số liệu so sánh với cùng số lượng doanh nghiệp công ích hiện có năm 2015):

- Tổng doanh thu là 29.829 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2014. Tỷ lệ Doanh thu/Tổng tài sản của các doanh nghiệp công ích là 28%. Trong đó, doanh thu hoạt động cung ứng, dịch vụ sản phẩm công ích là 16.817 tỷ đồng, chiếm 57% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1.316 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2014. Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 2%.

- Lỗ phát sinh là 26 tỷ đồng, chủ yếu tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

- Tổng số phát sinh phải nộp NSNN là 1.877 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2014.

## **2. Về Công ty TNHH MTV độc lập hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại**

a) Tình hình tài chính năm 2015 của các Công ty TNHH MTV độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại (sau đây viết tắt là doanh nghiệp thương mại và số liệu so sánh với cùng số lượng doanh nghiệp thương mại hiện có năm 2015):

- Tổng tài sản là 116.572 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2014.

- Vốn chủ sở hữu là 46.482 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2014.

- Nợ phải trả là 68.494 tỷ đồng, giảm 6% so với năm 2014. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu bình quân là 1,47 lần.

b) Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2015 của các doanh nghiệp thương mại:

- Tổng doanh thu đạt 102.022 tỷ đồng, giảm 3% so với thực hiện năm 2014.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 9.759 tỷ đồng, tương đương với số thực hiện năm 2014.

Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 21%; tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân đạt 8,4%.

- Tổng số phát sinh phải nộp NSNN đạt 26.953 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2014. Trong đó, thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa chiếm 84% so với tổng số thu nộp NSNN của các doanh nghiệp thương mại.

## **III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ CỔ PHẦN, VỐN GÓP CỦA NHÀ NƯỚC**

Báo cáo của 230 doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần), trong đó: 30 TĐ, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần; 200 công ty cổ phần độc lập (67 doanh nghiệp hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; 133 công ty cổ phần độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại). Số lượng các doanh nghiệp cổ phần có sự biến động do các nguyên nhân: (i) một số DNNN không thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hoá, chính thức chuyển thành công ty cổ phần trong năm 2015; (ii) một số doanh nghiệp cổ phần thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước về TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC); (iii) đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn nhà nước tại một số doanh

ng nghiệp cổ phần theo phương án thoái vốn nhà nước đã được phê duyệt. Tính chung toàn bộ 230 doanh nghiệp cổ phần, một số chỉ tiêu tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2015 như sau:

## **1. Tình hình tài chính**

### **a) Tổng tài sản:**

Năm 2015, tổng tài sản theo báo cáo hợp nhất của các doanh nghiệp cổ phần là 339.080 tỷ đồng, tăng 7% so với thực hiện năm 2014 (nếu xét trong cùng số lượng 230 doanh nghiệp cổ phần hiện có năm 2015). Trong đó, khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần là 298.338 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2014 và chiếm 88% tổng tài sản của các doanh nghiệp cổ phần. Tỷ trọng tài sản cố định bình quân chiếm 29% tổng tài sản.

### **b) Nguồn vốn:**

- Tổng số nợ phải trả là 198.724 tỷ đồng. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 61% tổng số nợ phải trả. Khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần có tổng số nợ phải trả theo số liệu báo cáo hợp nhất là 174.893 tỷ đồng, chiếm 88% tổng số nợ phải trả của các doanh nghiệp cổ phần. Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu bình quân là 1,94 lần.

- Vốn chủ sở hữu là 102.622 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2014. Trong đó, vốn điều lệ của các doanh nghiệp cổ phần là 42.948 tỷ đồng (Tổng giá trị vốn nhà nước góp là 33.690 tỷ đồng, bình quân chiếm 78% vốn điều lệ). Như vậy có thể thấy, các doanh nghiệp sau cổ phần hóa vẫn có xu hướng tăng trưởng ổn định và phát triển. Tuy nhiên, có một số doanh nghiệp cổ phần hoạt động kém hiệu quả, kinh doanh thua lỗ nên không bảo toàn được vốn chủ sở hữu như: Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh VN âm (-) vốn chủ sở hữu 1.641 tỷ đồng; TCT CP Xây dựng công nghiệp VN âm (-) vốn chủ sở hữu theo báo cáo hợp nhất 348 tỷ đồng; Công ty CP Xi măng Tuyên Quang âm (-) vốn chủ sở hữu 157 tỷ đồng; Công ty CP Lương thực và dịch vụ Quảng Nam âm (-) vốn chủ sở hữu 59 tỷ đồng; Công ty CP XNK Đà Nẵng âm (-) vốn chủ sở hữu 41 tỷ đồng.

## **2. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh**

### **a) Doanh thu:**

Năm 2015, tổng doanh thu của các doanh nghiệp cổ phần đạt 339.251 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2014. Trong đó, xét theo số liệu báo cáo hợp nhất, khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần có doanh thu là 307.089 tỷ đồng, chiếm 91% tổng doanh thu của các doanh nghiệp cổ phần.

### **b) Lợi nhuận trước thuế:**

Năm 2015, các doanh nghiệp cổ phần có tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 14.677 tỷ đồng, tăng 40% so với số thực hiện năm 2014 nếu xét trong cùng số lượng DNNN hiện có năm 2015.

Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 14%.

c) Tổng phát sinh phải nộp NSNN:

Năm 2015, báo cáo của 230 doanh nghiệp cổ phần có vốn góp nhà nước có tổng số phát sinh phải nộp NSNN đạt 20.254 tỷ đồng, giảm 36% so với năm 2014. Trong đó, số phát sinh phải nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu chiếm 69% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp cổ phần.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2015**

##### **1. Tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp:**

Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015), Nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp thông qua bốn hình thức bao gồm: (i) đầu tư vốn nhà nước để thành lập mới DNNN; (ii) đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho các DNNN đang hoạt động; (iii) đầu tư vốn nhà nước để duy trì tỷ lệ Nhà nước nắm giữ tại các công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên; (iv) đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.

Qua tổng hợp số liệu báo cáo từ các cơ quan đại diện chủ sở hữu (Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thì trong năm 2015 có 16 Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho 75 DNNN đang hoạt động chủ yếu là các doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xổ số kiến thiết với tổng mức đầu tư trong năm 2015 là 8.991 tỷ đồng, số còn phải đầu tư là 4.394 tỷ đồng.

Việc đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho các DNNN đang hoạt động trong năm 2015 chủ yếu sử dụng Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế) tại doanh nghiệp với 6.773 tỷ đồng, chiếm 75% tổng số vốn nhà nước đầu tư trong năm 2015. Ngoài ra, cơ quan đại diện chủ sở hữu còn sử dụng nguồn NSNN (thông qua thanh quyết toán các dự án giao cho doanh nghiệp thực hiện), Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và các nguồn khác (chiếm 23% tổng số vốn nhà nước đầu tư trong năm 2015) để bổ sung vốn điều lệ cho DNNN đang hoạt động.

##### **2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của các DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước:**

a) Kết quả đạt được

Qua số liệu tổng hợp thực trạng tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của các DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước nêu trên cho thấy:

- Năm 2015, trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, các DNNN đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao; hiệu quả

hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước có chuyển biến tích cực, tình hình tài chính lành mạnh hơn, vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển, đóng góp số thu cho ngân sách nhà nước góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế. Chỉ tiêu tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu phản ánh khả năng sinh lời của doanh nghiệp đạt mức khá.

-Việc huy động vốn của hầu hết doanh nghiệp đều nằm trong giới hạn quy định (không quá 03 lần vốn chủ sở hữu) nên tình hình tài chính của doanh nghiệp được an toàn và khả năng bảo toàn vốn cao.

- Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn góp nhà nước vẫn đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; một số DNNN hoạt động trong lĩnh vực như: dịch vụ viễn thông, đầu tư kết cấu hạ tầng, vẫn phát huy được thế mạnh trong nền kinh tế thị trường.

- Tuy nhiên, xét theo lĩnh vực kinh doanh năm 2015, một số lĩnh vực hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có xu hướng tăng nhưng cũng có những lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp còn gặp khó khăn, cụ thể:

+ Đối với lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản:

Năm 2015, thị trường bất động sản đã vượt qua nhiều khó khăn của giai đoạn trầm lắng, đang trong trạng thái phục hồi với nhịp cung - cầu có nhiều dấu hiệu khởi sắc, cộng với những tích cực từ Luật nhà ở, Luật kinh doanh BĐS (sửa đổi) được Quốc hội thông qua năm 2014, mở rộng hơn đối tượng người nước ngoài tham gia vào thị trường nên đối tượng có nhu cầu nhà ở tăng lên. Tuy nhiên, giá trị hàng tồn kho giảm chậm vì tồn kho hiện nay chủ yếu là các dự án xa trung tâm, hạ tầng chưa có, các căn hộ diện tích lớn nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này năm 2015 đều có lãi.

+ Đối với lĩnh vực dầu khí:

Giá dầu thô trung bình năm 2015 là 55 USD/thùng bằng một nửa so với giá dầu thô dự kiến khi Quốc hội thông qua dự toán cân đối thu chi NSNN năm 2015 gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam và ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước (các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp NSNN năm 2015 đều giảm so với năm 2014). Trong đó, theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất, tổng doanh thu giảm 19%; lợi nhuận trước thuế giảm 34% và nộp NSNN giảm 30%).

+ Đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa nông sản: các mặt hàng nông sản có sản lượng xuất khẩu lớn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh gay gắt từ các thị trường Châu Á, Châu Phi và giá xuất khẩu nông sản chủ yếu (gạo, cà phê, cao su) giảm mạnh nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của các TĐ, TCT hoạt động trong lĩnh vực này, cụ thể:

TCT Lương thực Miền Bắc kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 có lãi, tổng doanh thu tăng so với năm 2014 nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và nộp NSNN đều giảm so với năm 2014; TCT Lương thực Miền Nam bước đầu đã ngăn chặn được đà thua lỗ nhưng vẫn còn lỗ lũy kế hơn 959 tỷ đồng.

Với tình hình sản xuất kinh doanh trong nước và thế giới còn nhiều biến động phức tạp, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, DNNN vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn từ việc triển khai các hợp đồng tập trung, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, công nợ tồn đọng lớn, đặc biệt là xử lý các khoản tồn đọng về tài chính, thoái vốn khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp và tái cơ cấu DNNN theo Đề án đã được phê duyệt.

#### b) Tồn tại, hạn chế

- Việc một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước huy động vốn lớn, vượt quá mức khống chế theo quy định (không quá 03 lần vốn chủ sở hữu) dễ dẫn đến mất khả năng thanh toán ảnh hưởng đến an toàn tài chính của doanh nghiệp.

- Đối với các doanh nghiệp thường xuyên làm nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hiệu quả hoạt động chưa cao do doanh thu của doanh nghiệp này phụ thuộc nhiều vào giá dịch vụ do nhà nước quy định và nguồn kinh phí của Nhà nước được sử dụng để mua sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn, thua lỗ chủ yếu là các doanh nghiệp độc lập thuộc địa phương.

- Việc chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của doanh nghiệp và một số cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa nghiêm, gây khó khăn cho cơ quan tổng hợp trong quá trình tổng hợp tình hình doanh nghiệp để báo cáo Chính phủ và Quốc hội.

### **Phần thứ hai**

#### **ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 – 2015, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Thực hiện Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trọng tâm là các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015, trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công tác tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2011 – 2015 đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

#### **1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách**

Trong giai đoạn 2011 – 2015, các cơ chế chính sách về quản lý tài chính doanh nghiệp và sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ và được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và tình hình thị trường, giúp doanh nghiệp triển khai kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành để có vốn tập trung đầu tư vào lĩnh vực, ngành kinh doanh chính, tránh đầu tư dàn trải, hạn chế thất thoát vốn và tài sản nhà nước.

## **2. Về cổ phần hóa DNNN**

Giai đoạn từ 2011 – 2015 đã có 508 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, trong 9 tháng đầu năm 2016 đã có 49 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa. Lũy kế từ 2011 đến tháng 9/2016 đã có 557 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Trong số 557 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa đã có 426 doanh nghiệp triển khai xong việc bán cổ phần lần đầu (trong đó 254 doanh nghiệp bán cổ phần theo phương án được duyệt (đạt 60% tổng số doanh nghiệp đã bán cổ phần), còn 172 doanh nghiệp không bán được toàn bộ số cổ phần theo phương án cổ phần hóa (chiếm 40% tổng số doanh nghiệp đã bán cổ phần), với tổng giá trị cổ phần bán ra (tính theo mệnh giá) là 34.911 tỷ đồng, thu được 43.475 tỷ đồng, chênh lệch tăng 8.563 tỷ đồng.

## **3. Việc thoái vốn tại doanh nghiệp**

a) Về thoái vốn đầu tư vào 5 lĩnh vực nhạy cảm (bao gồm: Chứng khoán, Bảo hiểm, Ngân hàng – Tài chính, Bất động sản, Quỹ đầu tư):

Trong giai đoạn 2011- 2015, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty đã thoái được 11.036 tỷ đồng, thu về 10.742 tỷ đồng (số thu về giảm so với sổ sách do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thoái 800 tỷ đồng và Tổng công ty Lương thực miền Nam thoái 1,3 tỷ đồng đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng được Ngân hàng nhà nước mua lại với giá 0 đồng).

Trong 09 tháng đầu năm 2016, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước tiếp tục thoái được 481 tỷ đồng, thu về 441 tỷ đồng (giá trị thu về thấp hơn giá trị đã đầu tư do Tổng công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ thoái 100,6 tỷ đồng tại Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ, thu về 18,3 tỷ đồng).

Lũy kế giai đoạn 2011 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đã thoái 11.517 tỷ đồng, thu về 11.183 tỷ đồng.

b) Về thoái vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Trong giai đoạn 2011-2015, SCIC đã thực hiện bán vốn tại 368 doanh nghiệp, trong đó bán hết vốn nhà nước tại 336 doanh nghiệp, bán bớt vốn nhà nước tại 30 doanh nghiệp và bán quyền mua tại 02 doanh nghiệp. Tổng giá trị thu về đạt 6.998 tỷ đồng, gấp 2,4 lần giá trị đầu tư (2.940 tỷ đồng), thặng dư bán vốn là 4.058 tỷ đồng.

Trong 09 tháng đầu năm 2016, SCIC đã bán vốn tại 54 doanh nghiệp với giá trị là 1.442 tỷ đồng, thu về 3.818 tỷ đồng, thặng dư bán vốn là 2.376 tỷ đồng.

Lũy kế giai đoạn 2011 – 2015 và 9 tháng năm 2016, SCIC đã thoái 4.382 tỷ đồng, thu về 10.816 tỷ đồng (gấp 2,5 lần giá trị đầu tư), thặng dư bán vốn 6.434 tỷ đồng.

#### **4. Nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu DNNN**

##### **a) Những kết quả đạt được**

- Về cơ bản, thời gian qua các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước đã tích cực triển khai Đề án tái cơ cấu theo tinh thần Quyết định số 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các cơ chế chính sách về tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN đã được ban hành đầy đủ, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện. Hiệu quả hoạt động của DNNN sau cổ phần hóa từng bước được nâng cao.

- Số lượng doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp cơ bản đạt kế hoạch theo Đề án tái cơ cấu được duyệt. Việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành vào năm lĩnh vực nhạy cảm được triển khai quyết liệt, trong đó việc thoái vốn đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm và quỹ đầu tư đạt tỷ lệ cao.

- Các Tập đoàn, Tổng công ty đã ban hành các Quy chế quản lý nội bộ như Quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013; Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng, Quy chế sử dụng các quỹ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

- Quản trị doanh nghiệp bước đầu được đổi mới, thể hiện qua các khâu như đổi mới quản trị về vật tư và tài chính; đổi mới quản trị về lao động; đổi mới quản trị về tổ chức; đổi mới về thiết bị, khoa học công nghệ. Cụ thể:

+ Đổi mới quản trị về vật tư và tài chính: Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức tiêu hao vật tư phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, thị trường và các chủng loại vật tư mới; điều chỉnh mối quan hệ tín dụng của các DNNN theo hướng công ty mẹ không bảo lãnh cho các công ty con trong hoạt động tín dụng nhằm tăng cường tính chủ động và trách nhiệm về tài chính của các công ty con trong cơ chế tự vay, tự trả. Nâng cao công tác giám sát tài chính đối với các DNNN.

+ Đổi mới quản trị về lao động: Qua tái cơ cấu DNNN, thực hiện việc tinh giản biên chế, xử lý lao động dôi dư, thực hiện đào tạo, đào tạo lại để nâng cao chất lượng lao động.

+ Đổi mới quản trị về tổ chức: Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, thu gọn các phòng ban, đơn vị đầu mối tại công ty mẹ, ban hành các quy định mới về quyền hạn, trách nhiệm và tiêu chuẩn của các vị trí điều hành góp phần kiện toàn, nâng cao năng lực quản trị, điều hành doanh nghiệp.

+ Đổi mới quản trị về khoa học công nghệ: thực hiện xử lý các tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, lạc hậu về kỹ thuật, tập trung vốn để đầu tư những tài sản, dây chuyền công nghệ tiên tiến tạo điều kiện tăng cường năng suất lao động của doanh nghiệp.

- Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp tiếp tục góp phần hoàn thiện và phát triển thị trường vốn đặc biệt là thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá huy động vốn, đổi mới phương thức quản lý, công nghệ, gắn kết người lao động, ổn định và phát triển trong xu thế hội nhập với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới.

- Lao động dôi dư ở các đơn vị thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa được hưởng chính sách trợ cấp; được hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại nghề để bố trí việc làm mới tại doanh nghiệp cổ phần hoá hoặc tự thu xếp công việc mới đã góp phần đẩy nhanh tiến trình sắp xếp, cổ phần hoá, duy trì ổn định xã hội.

- Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, việc tái cơ cấu DNNN theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các DNNN đã cơ bản thực hiện được vai trò, nhiệm vụ chủ sở hữu giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn giá cả, xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện để phát triển kinh tế đồng đều giữa các vùng miền, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Trong 09 tháng đầu năm 2016, các đơn vị đã tích cực tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu DNNN như tiếp tục cổ phần hóa các đơn vị chưa hoàn thành trong giai đoạn 2011 – 2015; thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành; tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới DNNN, lộ trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần, vốn góp theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ.

#### b) Một số tồn tại, hạn chế

- Tiến độ sắp xếp, cổ phần hoá đã được các Bộ, địa phương đẩy mạnh nhưng vẫn còn một số Bộ, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu và kế hoạch đề ra. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa còn cao. Quá trình thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính, trọng

tâm là thoái vốn tại 05 lĩnh vực nhạy cảm còn chậm, đặc biệt là trong lĩnh vực Ngân hàng và Bất động sản.

- Việc bàn giao các doanh nghiệp đã cổ phần hóa về SCIC còn chậm, việc giảm tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp theo tiêu chí phân loại DNNN chậm được triển khai. Việc các doanh nghiệp sau cổ phần hóa thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán còn chậm.

### c) Nguyên nhân

Quá trình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước giai đoạn 2011 – 2015 và 09 tháng đầu năm 2016 chịu tác động từ những diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới và khu vực. Đối tượng sắp xếp, cổ phần hóa trong giai đoạn này hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành nghề, tình hình tài chính phức tạp nên cần có nhiều thời gian chuẩn bị, xử lý. Mặt khác, việc thực hiện cổ phần hóa, tái cơ cấu và thoái vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn cần sự tham gia của nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực tài chính và năng lực quản trị, đầu tư tốt nên cần nhiều thời gian để chuẩn bị.

Ngoài ra, một phần nguyên nhân do thời điểm phê duyệt đề án tái cơ cấu của một số Bộ, địa phương tại một số đơn vị còn chậm so với yêu cầu. Một số Bộ, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước chưa chỉ đạo quyết liệt và tích cực tổ chức triển khai phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn. Nhiều doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa chưa thực hiện niêm yết trên các sàn chứng khoán tập trung. Việc nhận thức của một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp tuy đã có chuyển biến nhưng còn tư tưởng e ngại, lo lắng về vị trí và vai trò lãnh đạo sau cổ phần hóa, ảnh hưởng đến tiến độ của quá trình cổ phần hóa, tái cơ cấu thời gian đầu thực hiện Đề án.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

### **1. Mục tiêu**

- DNNN có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đối với doanh nghiệp kinh doanh. Thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội, góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế đồng đều giữa các vùng miền.

### **2. Nhiệm vụ**

- Phân loại DNNN hiện có theo các nhóm sau:

+ Nhóm doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 bao gồm: (i) Doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; (ii) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; (iii) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; (iv) Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế;

+ Nhóm doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần trở lên;

+ Nhóm doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần;

+ Nhóm các doanh nghiệp còn lại ngoài các doanh nghiệp thuộc ba nhóm trên thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa Nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ đến không giữ cổ phần hoặc áp dụng hình thức sắp xếp khác phù hợp (bao gồm cả hình thức phá sản doanh nghiệp).

- Kiên quyết xóa bỏ sự can thiệp hành chính của cơ quan quản lý nhà nước vào doanh nghiệp với tư cách là chủ sở hữu vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp tự chủ trong hoạt động kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác và tự chịu trách nhiệm với kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thực hiện theo nguyên tắc thị trường việc thoái vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp và vốn của các DNNN đầu tư vào ngành không phải ngành nghề kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan với ngành nghề kinh doanh chính theo quy định về tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước tiếp tục thực hiện tái cơ cấu toàn diện: sắp xếp lại doanh nghiệp, đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp; tổ chức, quản lý nguồn nhân lực, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

+ Hoàn thiện cơ chế về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (thay thế Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Nghị định 189/2013/NĐ-CP và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ) làm cơ sở pháp lý để thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn 2016-2020.

+ Hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục DNNN thực hiện sắp xếp

giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định 37/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

+ Hoàn thiện cơ chế về hoạt động của DNNN (thay thế Nghị định 172/2013/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH 1TV do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH 1TV là công ty con của công ty TNHH 1TV do Nhà nước làm chủ sở hữu; Nghị định 69/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty nhà nước; Quyết định 35/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH 1TV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định 128/2014/NĐ-CP của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) để thực hiện sắp xếp, tăng cường minh bạch báo cáo tài chính, thông tin tài chính, kinh doanh, điều hành tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; tăng cường trách nhiệm của Hội đồng thành viên và Ban điều hành và xử lý trách nhiệm nếu không thực hiện đúng quy định; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước đối với các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

+ Ban hành Nghị định về cơ chế tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (thay thế Nghị định 06/2015/NĐ-CP của Chính phủ), Nghị định về cơ chế tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (thay thế Nghị định 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ), Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (thay thế Nghị định 57/2014/NĐ-CP của Chính phủ).

+ Hoàn thiện Nghị định về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (thay thế Nghị định 130/2013/NĐ-CP của Chính phủ) và cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, quốc phòng, an ninh bảo đảm người lao động có mức thu nhập hợp lý, doanh nghiệp có lãi, thu hút được nguồn lực của xã hội tham gia. Mở rộng chế độ đặt hàng, đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Tách bạch giữa hoạt động sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, quốc phòng, an ninh với hoạt động sản xuất kinh doanh vì lợi nhuận của doanh nghiệp.

+ Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng để doanh nghiệp thực sự chủ động trong trả lương, trả thưởng gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động; thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc.

+ Hoàn thiện cơ chế về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (thay thế Nghị định 99/2012/NĐ-CP của Chính phủ). Thành lập cơ quan quản lý để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám

sát, kiểm tra, quản lý sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn và đánh giá hiệu quả vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Đồng thời có cơ chế, chế tài để các tổ chức, cá nhân thực hiện có hiệu quả các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ được phân công, phân cấp.

### **3. Giải pháp thực hiện**

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo các Nghị quyết của Trung ương Đảng tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị để nâng cao hơn nữa nhận thức và có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

- Hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và danh mục DNNN thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020. Tập trung triển khai có hiệu quả phương án sắp xếp DNNN giai đoạn 2016 - 2020 sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Xây dựng phương án thoái vốn nhà nước giai đoạn 2016-2020 tại các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần, vốn góp và vốn đầu tư vào 05 lĩnh vực nhạy cảm. Coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong các năm 2016 - 2020.

Nghiêm túc thực hiện cơ chế thị trường và quy định của pháp luật trong cổ phần hoá, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát vốn, tài sản. Thực hiện nghiêm túc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, DNNN có quy mô lớn đã cổ phần hoá trên thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế.

- Từng Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, DNNN rà soát, xác định lại nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính. Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước tập trung vào kinh doanh những ngành chính và những ngành liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính. Xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 phù hợp chiến lược phát triển ngành, nhu cầu của thị trường, khả năng cân đối và giải pháp về vốn đầu tư cho giai đoạn và năng lực trình độ quản lý.

+ Xây dựng phương án tái cơ cấu mà trọng tâm là công tác sắp xếp lại doanh nghiệp, cổ phần hóa, thoái vốn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Rà soát, bổ sung hoặc xây dựng ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động của doanh nghiệp làm cơ sở để quản lý, kiểm tra, giám sát tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

+ Xây dựng phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, triển khai tái cơ cấu các doanh nghiệp thành viên để thực hiện chuyên môn hóa, phân công, hợp tác, không dàn trải, phân tán nguồn lực, tránh cạnh tranh nội bộ theo hướng sáp nhập, hợp nhất các doanh nghiệp thành viên kinh doanh cùng ngành nghề.

+ Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và triển khai thực hiện thoái vốn theo kế hoạch được duyệt trong giai đoạn 2016 – 2020 tại

các doanh nghiệp khác theo đúng quy định về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và vốn đầu tư vào 05 lĩnh vực nhạy cảm. Triển khai công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp theo tiêu chí, danh mục phân loại DNNN được Thủ tướng Chính phủ ban hành và các quy định của pháp luật hiện hành.

+ Công ty mẹ - Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước phải tổ chức giám sát, kiểm tra thường xuyên, thanh tra định kỳ việc chấp hành pháp luật, thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ được giao, đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty con, cán bộ quản lý doanh nghiệp; kịp thời chấn chỉnh sai phạm. Nắm bắt đầy đủ thông tin về hoạt động của các công ty liên kết, thông qua người đại diện phần vốn của doanh nghiệp là cổ đông tham gia vào các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa thông qua người đại diện phần vốn nhà nước đôn đốc các doanh nghiệp đã cổ phần hóa thực hiện nghiêm quy định về đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch, đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định. Đồng thời nghiêm túc thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước theo đúng quy định.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát DNNN. Đẩy nhanh việc minh bạch, công khai hóa thông tin về hoạt động của DNNN. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

- Tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước trong việc thực hiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp đã được phê duyệt; coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần tập trung chỉ đạo hoàn thành theo đúng Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt. Xử lý nghiêm đối với lãnh đạo doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả Đề án tái cơ cấu và nhiệm vụ được giao trong việc quản lý điều hành doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo của Chính phủ về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2015.

Chính phủ xin báo cáo Quốc hội./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ; các PTTgCP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- các Vụ: ĐMDN, TH, VIII, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (3b). 100

**TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH  
(Đã ký)**

**Đinh Tiến Dũng**